

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 28-10-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 744/2019/TLST-HNGĐ ngày 30-7-2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Nguyễn Thu Ph, sinh năm 1995; thường trú: 30/58 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Thanh S, sinh năm 1994; thường trú: Ấp B4, xã , huyện , tỉnh T; tạm trú: 15B/21 khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh B; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19-7-2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đinh Nguyễn Thu Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị Ph và anh S có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Được sự đồng ý của hai bên gia đình vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện D, tỉnh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014, ngày 28/3/2014. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống thị xã D, tỉnh B. Chị Ph làm nhân viên thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng, anh S không có việc làm. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S ham chơi với bạn bè, uống rượu và đánh bạc, sống không có trách nhiệm với gia đình.

Chị Ph góp ý thì vợ chồng xảy ra cãi vã. Cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay. Cả hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Ph đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh An Kh, sinh ngày 15-5-2014. Hiện nay con đang sống chung với mẹ tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Trong đơn khởi kiện chị Ph yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại bản tự khai và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chị Ph xin thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; theo đó chị Ph yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Thanh S đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ph khởi kiện anh S yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh S có nơi cư trú tại khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 07/10/2019 và ngày 28/10/2019 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện D, tỉnh T, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2014, ngày 28/3/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Ph xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ham chơi

với bạn bè, uống rượu và đánh bạc, sống không có trách nhiệm với gia đình. Chị Ph góp ý thì vợ chồng xảy ra cãi vã. Cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay. Nay chị Ph xác định không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị Ph xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh S đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án chị Ph và anh S không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị Ph và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh An Kh, sinh ngày 15-5-2014. Hiện nay con đang sống chung với mẹ tại khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Sau khi ly hôn chị Ph yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Khang từ trước đến nay sống cùng mẹ, được sự chăm sóc từ người mẹ, cháu được đi học và phát triển tốt. Chị Ph hiện làm nhân viên Ngân hàng thu nhập ổn định 8.000.000 đồng/tháng đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con. Anh S được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh anh có việc làm và thu nhập. Vì vậy, chị Ph yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Ph không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Nguyễn Thu Ph phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Nguyễn Thu Ph đối với anh Trịnh Thanh S về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Nguyễn Thu Ph được ly hôn với anh Trịnh Thanh S.

- Về con chung: Giao con chung tên Trịnh An Kh, sinh ngày 15-5-2014 cho chị Đinh Nguyễn Thu Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, chị Ph và anh S đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh S lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Ph nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Nguyễn Thu Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028992, ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Ph, huyện D, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**